

BIÊN BẢN NIÊM YẾT

Công khai dự toán thu – chi ngân sách quý III năm 2021

Hôm nay, vào lúc 15 giờ 30 phút ngày 05 tháng 10 năm 2021

Tại: Trung tâm GDNN-GDTX quận Tân Bình.

Thành phần gồm có:

- | | |
|----------------------------|-------------------------------|
| 1. Ông: Nguyễn Văn Tiến | – Giám đốc |
| 2. Bà: Danh Thị Huyền Trân | – Giáo viên - Chủ tịch CDCS |
| 3. Ông: Nguyễn Huy Hùng | – Giáo viên - Trưởng Ban TTND |
| 4. Bà: Phạm Thị Thu Hà | – Kế toán trưởng |
| 5. Bà: Trần Thị Thu Oanh | – Kế toán viên |

Tiến hành niêm yết công khai dự toán thu – chi ngân sách quý III năm 2021.

Thời gian niêm yết: từ ngày 05 tháng 10 năm 2021 đến ngày 04 tháng 11 năm 2021.

Nơi niêm yết: Bảng tin cơ quan (Phòng giáo viên).

Biên bản niêm yết kết thúc lúc 15 giờ 50 phút cùng ngày./.

Thành phần tham dự ký tên:

Nguyễn Văn Tiến:.....

Danh Thị Huyền Trân:.....

Nguyễn Huy Hùng:

Phạm Thị Thu Hà:.....

Trần Thị Thu Oanh:.....



Nguyễn Văn Tiến

Đơn vị: Trung tâm GDNN-GDTX Quận Tân Bình
Chương: 622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tân Bình, ngày 05 tháng 10 năm 2021

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ III NĂM 2021

- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

- Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Trung tâm GDNN-GDTX Quận Tân Bình công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi Ngân sách Quý III/2021 như

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý III năm 2021	Ước thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
I	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	11.411,770	1.399,705	12,27%	67,98%
I	Nguồn ngân sách trong nước	11.411,770	1.399,705	12,27%	67,98%
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	11.411,770	1.399,705	12,27%	67,98%
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	11.130,570	1.375,310	12,36%	66,80%
3.1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (Nguồn 13)	6.315,270	1.129,540	17,89%	88,52%
	Mục 6000: Tiền lương	2.856,081	641,813	22,47%	
	Mục 6100: Phụ cấp lương	1.279,018	247,614	19,36%	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý III năm 2021	Ước thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	Mục 6200: Tiền thưởng	38,630	0,000	0,00%	
	Mục 6300: Các khoản đóng góp theo lương	870,945	172,649	19,82%	
	Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	478,600	0,000	0,00%	
	Mục 6500: Dịch vụ công cộng	322,000	37,580	11,67%	
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	106,000	14,325	13,51%	
	Mục 6600: Thông tin tuyên truyền - Liên lạc	59,400	9,459	15,92%	
	Mục 6700: Công tác phí	40,000	2,100	5,25%	
	Mục 6900: Sửa chữa thường xuyên TSCĐ	19,000	4,000	21,05%	
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	10,000			
	Mục 7950: Trích lập các quỹ của đơn vị sự nghiệp	235,596			
	+Chi TN tăng thêm HĐ 68 theo NQ03	160,000			
	+Chi TN tăng thêm 40%	30,238			
	+Chi lập quỹ dự phòng ổn định thu nhập 13%	5,896			
	+Chi lập quỹ phúc lợi 50%	22,679			
	+Chi lập quỹ khen thưởng 12%	5,443			
	+Chi lập quỹ phát triển sự nghiệp 25%	11,339			
3.1.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (Nguồn 14)	4.815,300	245,770	5,10%	31,39%
	Mục 6000: Tiền lương	575,000	148,519	25,83%	
	Mục 6100: Phụ cấp lương	232,000	57,299	24,70%	
	Mục 6300: Các khoản đóng góp theo lương	158,300	39,952	25,24%	
	Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	3.850,000			
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (Nguồn 12)	281,200	24,395	8,68%	0,00%
	Mục 6112: PC cho GV dạy hoà nhập, khuyết tật	60,000	24,395	40,66%	
	Mục 6199: Miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập	70,000			
	Mục 6449: Trợ cấp tiền Tết nguyên đán	151,200			
II	Nguồn vốn viện trợ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				

NGƯỜI LẬP



Trần Thị Thu Oanh



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Tiến